

Số: 06

Ngày 13/02/2023

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

VĂN BẢN MỚI

- Quyền và nghĩa vụ của người bệnh trong khám, chữa bệnh.
- Các trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đăng ký.
- Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do.
- Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông.
- Mức giá bán lẻ điện bình quân tối đa là 2.444,09 đồng/kWh.
- Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
- Quy định mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường.
- Các vị trí công tác trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại địa phương phải định kỳ chuyển đổi.
- 03 trường hợp làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe nhằm trốn tránh nghĩa vụ.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Quyết định về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2023.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Pháp luật quy định những trường hợp nào bắt buộc phải chữa bệnh?
- Bác sĩ được phép từ chối khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp nào?
- Hạn sử dụng của Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân?
- Đơn vị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân?

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI BỆNH TRONG KHÁM, CHỮA BỆNH

Ngày 09/01/2023, Quốc hội đã thông qua Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15. Luật này quy định về quyền, nghĩa vụ của người bệnh; người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận; chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh; áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới và thử nghiệm lâm sàng; sai sót chuyên môn kỹ thuật; điều kiện bảo đảm hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; huy động, điều động nguồn lực phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp.

Việc khám chữa bệnh thực hiện theo nguyên tắc: Tôn trọng, bảo vệ, đối xử bình đẳng và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người bệnh; ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp người bệnh trong tình trạng cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, phụ nữ có thai, người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng, người từ đủ 75 tuổi trở lên, người có công với cách mạng phù hợp với đặc thù của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; tôn trọng, hợp tác, bảo vệ người hành nghề, người khác đang thực

hiện nhiệm vụ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...

Luật này nghiêm cấm các hành vi trong hoạt động khám bệnh, chữa bệnh gồm: Xâm phạm quyền của người bệnh; từ chối hoặc cố ý chậm cấp cứu người bệnh; khám bệnh, chữa bệnh không đúng phạm vi hành nghề hoặc phạm vi hoạt động được cơ quan có thẩm quyền cho phép; hành nghề khám bệnh, chữa bệnh ngoài thời gian, địa điểm đã đăng ký hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; không tuân thủ quy định về chuyên môn kỹ thuật; áp dụng phương pháp, kỹ thuật chuyên môn, sử dụng thiết bị y tế chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; kê đơn, chỉ định sử dụng thuốc chưa được cấp phép lưu hành theo quy định của pháp luật về dược trong khám bệnh, chữa bệnh; có hành vi nhũng nhiễu trong khám bệnh, chữa bệnh; từ chối tham gia hoạt động khám bệnh, chữa bệnh khi có thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp theo quyết định huy động, điều động của cơ quan, người có thẩm quyền; thuê, mượn, cho thuê, cho mượn giấy phép hành nghề hoặc giấy phép hoạt động...

Theo Luật này người bệnh có các quyền sau: Được thông tin, giải thích về tình trạng sức khỏe; phương pháp, dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh; được hướng dẫn cách tự theo dõi, chăm sóc, phòng ngừa tai biến; được khám bệnh, chữa bệnh bằng phương pháp an toàn phù hợp với bệnh, tình trạng sức khỏe của mình và điều kiện thực

tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; được tôn trọng danh dự, bảo vệ sức khỏe và tôn trọng bí mật riêng tư trong khám bệnh, chữa bệnh; lựa chọn phương pháp khám bệnh, chữa bệnh sau khi được cung cấp thông tin, giải thích, tư vấn đầy đủ về tình trạng bệnh, kết quả, rủi ro có thể xảy ra; được đọc, xem, sao chụp, ghi chép hồ sơ bệnh án và cung cấp tóm tắt hồ sơ bệnh án; được từ chối khám bệnh, chữa bệnh nhưng phải cam kết tự chịu trách nhiệm bằng văn bản về việc từ chối của mình; được rời khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi chưa kết thúc chữa bệnh trái với chỉ định của người hành nghề nhưng phải cam kết tự chịu trách nhiệm bằng văn bản về việc rời khỏi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh...

Bên cạnh các quyền được hưởng thì người bệnh phải thực hiện các nghĩa vụ sau: Tôn trọng người hành nghề; không được đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người hành nghề và người khác làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cung cấp trung thực và chịu trách nhiệm về thông tin liên quan đến nhân thân, tình trạng sức khỏe của mình, hợp tác đầy đủ với người hành nghề và người khác làm việc tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chấp hành chỉ định về chẩn đoán, phương pháp chữa bệnh của người hành nghề; thực hiện chi trả đầy đủ chi phí khám bệnh, chữa bệnh.

Ngoài ra, Luật này còn quy định về điều kiện hành nghề khám, chữa bệnh; kiểm tra, đánh giá năng lực hành nghề khám, chữa bệnh; quy định về giấy phép hành nghề, đăng

ký hành nghề, quyền và nghĩa vụ của người hành nghề khám chữa bệnh; giấy phép hoạt động của cơ sở khám chữa bệnh; đánh giá chất lượng cơ sở khám chữa bệnh; quyền và trách nhiệm của cơ sở khám chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại...

Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2024.

2. CÁC TRƯỜNG HỢP CÔNG TRÌNH KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN NƯỚC PHẢI ĐĂNG KÝ

Ngày 01/02/2023, Chính phủ đã ban hành Nghị định 02/2023/NĐ-CP về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Theo đó, chủ đầu tư các dự án khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải công bố công khai các thông tin sau đây: Mục đích khai thác, sử dụng nước; nguồn nước khai thác, sử dụng; vị trí công trình khai thác, sử dụng nước; phương thức khai thác, sử dụng nước; lượng nước khai thác, sử dụng; thời gian khai thác, sử dụng; các đặc tính cơ bản của hồ, đập trong trường hợp xây dựng hồ, đập. Việc công khai thông tin được thực hiện theo các hình thức thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng của Ủy ban nhân dân các huyện và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân các tỉnh. 30 ngày làm việc trước khi khởi công và trong suốt quá trình xây dựng công trình, chủ đầu tư phải niêm yết công khai thông tin.

Theo quy định mới, các trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải đăng ký, bao gồm:

Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 - 0,2 triệu m³ hoặc công trình khai thác, sử dụng nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm các mục đích khác có quy mô thuộc trường hợp phải cấp phép) với lưu lượng khai thác lớn hơn 0,1 - 0,5 m³/giây; khai thác, sử dụng nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất trên đất liền bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ với quy mô trên 10.000 - 100.000 m³/ngày đêm; sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng mà không gây hạ thấp mực nước dưới đất hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào moong khai thác khoáng sản

Trước khi xây dựng công trình khai thác nước dưới đất hoặc điều chỉnh tầng lưu lượng khai thác vượt quá 25% lưu lượng quy định trong giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đã cấp mà có khoan bổ sung giếng khai thác, chủ đầu tư phải thực hiện thăm dò để đánh giá trữ lượng, chất lượng, khả năng khai thác và phải có giấy phép thăm dò, trừ các trường hợp khai thác, sử dụng nước dưới đất không phải xin cấp phép.

Ngoài ra, Nghị định này còn quy định về các nội dung sau: Điều tra cơ bản về tài nguyên nước; bảo vệ, khai thác sử dụng tài nguyên nước; điều phối, giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả...

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 20/3/2023.

3. BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THÀNH LẬP KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO

Ngày 30/12/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định 121/2022/NĐ-CP về Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân giai đoạn 2022-2027.

Cụ thể, hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất AANZFTA phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: Thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; được nhập khẩu từ các nước là thành viên của Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân (bao gồm các nước: Bru-nây Đa-rút-xa-lam; Vương quốc Cam-pu-chia; Cộng hòa In-đô-nê-xi-a; Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Ma-lay-xi-a; Cộng hòa Liên bang Mi-an-ma; Cộng hòa Phi-líp-pin; Cộng hòa Xinh-ga-po; Vương quốc Thái Lan; Ôt-xtrây-li-a; Niu Di-lân); đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa (bao gồm cả quy định về vận chuyển trực tiếp) và có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa Mẫu AANZ hoặc có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Hiệp định thành lập Khu vực Thương mại tự do ASEAN - Ôt-xtrây-li-a - Niu Di-lân và theo quy định hiện hành của pháp luật.

Đối với hàng hóa nhập khẩu áp dụng hạn ngạch thuế quan gồm một số mặt hàng thuộc các nhóm hàng 04.07, 17.01, 24.01, 25.01, thuế suất AANZFTA trong hạn ngạch là mức thuế suất quy định tại Biểu thuế nhập

khẩu ưu đãi đặc biệt ban hành kèm theo Nghị định này, thuế suất AANZFTA ngoài hạn ngạch là mức thuế suất quy định tại Danh mục hàng hóa áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt ngoài hạn ngạch ban hành kèm theo Nghị định này.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 30/12/2022.

4. BIỂU THUẾ NHẬP KHẨU ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO ASEAN - HỒNG KÔNG

Ngày 30/12/2022, Chính phủ ban hành Nghị định 123/2022/NĐ-CP Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc giai đoạn 2022 - 2027.

Theo đó, hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt (thuế suất AHKFTA) theo Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: thuộc Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt; được nhập khẩu từ các nước là thành viên của Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc; đáp ứng các quy định về xuất xứ hàng hóa (bao gồm cả quy định về vận chuyển trực tiếp) và có Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa mẫu AHK hoặc có chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định của Hiệp định Thương mại Tự do ASEAN - Hồng Kông, Trung Quốc và theo quy định hiện hành của pháp luật.

Bên cạnh đó, trường hợp Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được sửa đổi, bổ sung, người khai hải quan kê khai mô tả, mã hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu sửa đổi, bổ sung và áp dụng thuế suất của mã hàng hóa được sửa đổi, bổ sung quy định tại Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 30/12/2022.

5. MỨC GIÁ BÁN LẺ ĐIỆN BÌNH QUÂN TỐI ĐA LÀ 2.444,09 ĐỒNG/KWH

Ngày 03/02/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 02/2023/QĐ-TTg về khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân.

Theo đó, khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng) như sau: Mức giá bán lẻ điện bình quân tối thiểu là 1.826,22 đồng/kWh; mức giá bán lẻ điện bình quân tối đa là 2.444,09 đồng/kWh.

Bên cạnh đó, khi có biến động lớn về các thông số tính toán khung giá, chi phí sản xuất kinh doanh điện và yêu cầu phân bổ các khoản chi phí chưa được tính vào giá bán lẻ điện bình quân, Bộ Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính tính toán, điều chỉnh khung giá của mức giá bán lẻ điện bình quân, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Ngoài ra, Tập đoàn Điện lực Việt Nam có trách nhiệm theo dõi, báo cáo Bộ Công Thương, Bộ Tài chính khi có biến động lớn về các thông số tính toán khung giá của mức giá bán

lẻ điện bình quân, chi phí sản xuất kinh doanh điện và cần phân bổ các khoản chi phí chưa được tính vào giá bán lẻ điện bình quân.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 03/02/2023.

6. CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC NĂM 2023 CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Ngày 03/02/2023 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 48/QĐ-TTg ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ năm 2023 gồm: Các Đề án không thuộc diện bí mật nhà nước gồm danh sách các Đề án của các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các địa phương chủ trì chuẩn bị trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các Đề án thuộc diện bí mật Nhà nước được ban hành theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Cụ thể, Bộ Quốc phòng 08 Đề án, Bộ Công an 18 Đề án, Bộ Nội vụ 20

Đề án, Bộ Tư pháp 16 Đề án, Bộ Kế hoạch và Đầu tư 60 Đề án, Bộ tài chính 36 Đề án, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 19 Đề án, Bộ Thông tin và Truyền thông 15 Đề án, Văn phòng Chính phủ 11 Đề án, Đài tiếng nói Việt Nam 02 Đề án, Đài truyền hình Việt Nam 01 Đề án.

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện chương trình công tác, lập kế hoạch và triển khai xây dựng các Đề án thuộc Chương trình công tác đảm bảo tiến độ, chất lượng Đề án. Các bộ, cơ quan, địa phương phải trình Đề án trước ngày 20 của tháng theo thời gian trình quy định tại Chương trình công tác năm 2023. Định kỳ trước ngày 25 hàng tháng báo cáo tình hình, kết quả thực hiện Chương trình công tác gửi Văn phòng Chính phủ.

Quyết định có hiệu lực từ ngày 03/02/2023.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. QUY ĐỊNH MỨC THU PHÍ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Ngày 02/02/2023, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 07/2023/TT-BTC về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định.

Theo đó, mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường do cơ quan trung ương thực hiện thẩm định từ 6 triệu đồng đến 61 triệu đồng, tùy thuộc tổng vốn đầu tư dự án. Cụ thể, đối với dự án có tổng vốn đầu tư dự án đến 10 tỷ đồng, mức phí thẩm định là 6 triệu đồng. Đối với dự án có tổng vốn đầu tư dự án trên 100 đến 200 tỷ đồng, mức phí thẩm định là 30 triệu đồng.

Đối với dự án có tổng vốn đầu tư dự án trên 1.000 đến 1.500 tỷ đồng, trên 3.000 đến 5.000 tỷ đồng, mức phí thẩm định lần lượt là 48 và 53 triệu đồng. Mức phí thẩm định cao nhất là 61 triệu đồng đối với dự án có tổng vốn đầu tư dự án trên 7.000 tỷ đồng.

Tổ chức thu phí phải nộp 100% tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước. Tổ chức thu phí là cơ quan Nhà nước được khoán chi phí hoạt động từ nguồn thu phí theo quy định được trích để lại 70% tổng số tiền phí thu được để chi cho hoạt động thẩm định, thu phí và nộp 30% tổng số tiền phí thu được vào ngân sách Nhà nước.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/3/2023.

8. CÁC VỊ TRÍ CÔNG TÁC TRONG LĨNH VỰC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG PHẢI ĐỊNH KỲ CHUYỂN ĐỔI

Ngày 01/02/2023, Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư 01/2023/TT-BTTTT về việc quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại chính quyền địa phương.

Theo đó, một số vị trí công tác trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại chính quyền địa phương định kỳ chuyển đổi bao gồm: Cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực Thông tin và Truyền thông (Cấp, thu hồi giấy phép xuất bản bản tin cho các cơ quan, tổ chức trên địa bàn tỉnh, thành phố; Cấp, sửa đổi, bổ sung; gia hạn; cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm

cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng cho các tổ chức, cá nhân địa bàn tỉnh, thành phố; Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm hội chợ xuất bản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố...); phân bổ, thẩm định, quản lý các dự án, đề án thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và truyền thông.

Thời hạn định kỳ chuyển đổi các vị trí công tác nêu trên là từ đủ 03 năm (36 tháng) đến 05 năm (đủ 60 tháng) không bao gồm thời hạn tập sự, thử việc. Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có văn bản điều động, bố trí, phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo quy định.

Quy định áp dụng đối với các công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức công tác tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý theo ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông tại chính quyền địa phương.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 17/3/2023.

9. 03 TRƯỜNG HỢP LÀM SAI LỆCH KẾT QUẢ PHÂN LOẠI SỨC KHỎE NHẪM TRÓN TRÁNH NGHĨA VỤ QUÂN SỰ

Theo đó, 03 hành vi gian dối làm sai lệch kết quả phân loại sức khỏe của mình để nhằm trốn tránh nghĩa vụ quân sự là một trong các trường hợp sau: 1 là, sử dụng các biện pháp cố tình làm thay đổi tình trạng sức khỏe của bản thân ngay trước hoặc trong quá trình khám sức khỏe nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự và đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận đó là hành vi gian

đôi, như sử dụng các loại thuốc, chất kích thích, chất cấm, tự gây thương tích, tổn hại sức khỏe của bản thân, hoặc biện pháp khác làm thay đổi tình trạng sức khỏe của bản thân; 2 là, sửa chữa kết quả phân loại sức khỏe của bản thân trong thực hiện kiểm tra hoặc khám sức khỏe nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ quân sự; 3 là, nhờ người khác kiểm tra hoặc khám sức khỏe thay.

Đây là các hành vi được Bộ Quốc phòng quy định tại Thông tư 07/2023/TT-BQP ngày 27/01/2023, về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 120/2013/NĐ-CP ngày 09/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và Nghị định 37/2022/NĐ-CP ngày 06/6/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu; quản lý bảo vệ biên giới quốc gia; trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định các hành vi vi phạm về đăng ký nghĩa vụ quân sự gồm: Không đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung; không thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập; không thực hiện đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng.

Mức phạt tiền trong xử phạt vi phạm hành chính từ 50.000 đồng đến 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 100.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức. Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được giảm quá mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tiền phạt tối đa của khung tiền phạt.

Thông tư có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/3/2023.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỀ VIỆC GIẢM TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC CỦA NĂM 2023

Bộ Tài chính vừa xây dựng dự thảo Quyết định về việc giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của năm 2023 nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh. Quyết định này áp dụng với các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân đang được Nhà

nước cho thuê đất, thuê mặt nước trực tiếp theo Quyết định hoặc Hợp đồng hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền dưới hình thức trả tiền thuê đất, thuê mặt nước hằng năm.

Quy định này áp dụng cho cả trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước không thuộc đối tượng được

miễn, giảm tiền thuê đất và trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước đang được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Theo đó, giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của năm 2023 đối với người thuê đất, thuê mặt nước theo quy định; không thực hiện giảm trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước còn nợ của các năm trước năm 2023 và tiền chấp nộp (nếu có). Mức giảm này được tính trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp của năm 2023. Trường hợp người thuê đất, thuê mặt nước đang

được giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định hoặc/và khấu trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật về tiền thuê đất, thuê mặt nước thì mức giảm 30% tiền thuê đất, thuê mặt nước được tính trên số tiền thuê đất, thuê mặt nước phải nộp (nếu có) sau khi đã được giảm hoặc/và khấu trừ theo quy định của pháp luật.

Dự thảo đang được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và của Bộ để lấy ý kiến của bộ, ngành có liên quan và nhân dân để hoàn thiện dự thảo trước khi trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và ban hành.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: *Pháp luật quy định những trường hợp nào bắt buộc phải chữa bệnh?*

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 82 Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định các trường hợp bắt buộc chữa bệnh gồm: người mắc bệnh truyền nhiễm nhóm A theo quy định của pháp luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm; người mắc bệnh trầm cảm có ý tưởng, hành vi tự sát; người mắc bệnh tâm thần ở trạng thái kích động có khả năng gây nguy hại cho bản thân hoặc có hành vi gây nguy hại cho người khác hoặc phá hoại tài sản; trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hỏi: *Bác sĩ được phép từ chối khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp nào?*

Trả lời: Theo Điều 40 Luật Khám bệnh, chữa bệnh quy định bác sĩ được phép từ chối khám bệnh, chữa bệnh trong các trường hợp sau đây:

- Tiên lượng tình trạng bệnh vượt quá khả năng hoặc không thuộc phạm vi hành nghề của mình nhưng phải giới thiệu người bệnh đến người hành nghề khác hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác phù hợp để khám bệnh, chữa bệnh và phải thực hiện việc sơ cứu, cấp cứu, theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh cho đến khi người bệnh được người hành nghề khác tiếp nhận hoặc chuyển đi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác;

- Việc khám bệnh, chữa bệnh trái với quy định của pháp luật hoặc đạo đức nghề nghiệp;

- Người bệnh, thân nhân của người bệnh có hành vi xâm phạm

thân thể, sức khỏe, tính mạng của người hành nghề khi đang thực hiện nhiệm vụ, trừ trường hợp người đó mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh khác mà không nhận thức, làm chủ được hành vi;

- Người bệnh yêu cầu phương pháp khám bệnh, chữa bệnh không phù hợp với quy định về chuyên môn kỹ thuật;

- Người bệnh, người đại diện của người bệnh không chấp hành chỉ định về chẩn đoán, phương pháp chữa bệnh của người hành nghề sau khi đã được người hành nghề tư vấn, vận động thuyết phục mà việc không chấp hành này có nguy cơ gây hại đến sức khỏe, tính mạng của người bệnh.

3. Hỏi: *Hạn sử dụng của Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân?*

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 23 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày quy định giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 6 tháng kể từ ngày cấp.

4. Hỏi: *Đơn vị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân?*

Trả lời: Theo Điều 21 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày quy định Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của công dân Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp công dân Việt Nam không có nơi thường trú, nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân xã, nơi người đó đăng ký tạm trú cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân./.